

Số: **487/QĐ-UBND**

Trà Vinh, ngày **31** tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 06/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 566/TTr-STNMT ngày 30/11/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các Phòng NC;
- Lưu VT, PNN. 81b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**K. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Dũng**

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **487/QĐ-UBND** ngày **31/3/2017** của UBND tỉnh Trà Vinh)

Thực hiện Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, với các nội dung sau:

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu tổng quát

- Hiểu rõ hơn về tiềm năng, lợi thế, các tác động bất lợi từ biển; khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên biển theo hướng bền vững, gìn giữ chất lượng môi trường nước biển, duy trì chức năng sinh thái và năng suất sinh học của các hệ sinh thái biển, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Nâng cao nhận thức và thực hiện tốt việc khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển góp phần phát triển kinh tế biển của tỉnh.

#### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Thu thập đầy đủ thông tin, dữ liệu cơ bản về tài nguyên và môi trường biển, cung cấp thông tin, dự báo về thiên tai, biến đổi khí hậu kịp thời, đủ độ tin cậy phục vụ phát triển kinh tế biển, kinh tế - xã hội vùng ven biển trên địa bàn tỉnh;

- Giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên và kiểm chế tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường vùng ven biển của tỉnh;

- Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, duy trì chức năng sinh thái và năng suất sinh học của các hệ sinh thái biển nhằm bảo vệ đa dạng sinh học biển và các nguồn lợi từ biển;

- Gắn quy hoạch cảng, bến, ..., du lịch biển của tỉnh với khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển, ven biển, tạo thế và lực để phát triển mạnh kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### 3. Tầm nhìn đến năm 2030

- Hiểu biết cơ bản về tiềm năng tài nguyên và môi trường, những lợi thế và những tác động bất lợi từ biến đổi với phát triển bền vững kinh tế - xã hội; ngăn chặn, đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái, cạn kiệt tài nguyên, suy giảm đa dạng sinh học biển nhằm bảo đảm cân bằng sinh thái biển ở mức ổn định.

- Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường biển.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Đẩy mạnh điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển**

- Tiếp tục xây dựng và triển khai các dự án điều tra cơ bản điều kiện tự nhiên, điều tra tổng hợp tài nguyên, môi trường biển nhằm đánh giá, xác định rõ tài nguyên vùng ven bờ, các hệ sinh thái đất ngập nước, rừng ngập mặn, các hệ sinh thái đặc thù, khu vực có đa dạng sinh học cao của tỉnh, làm rõ hơn về trữ lượng, tiềm năng khai thác nguồn lợi hải sản trên vùng biển của tỉnh làm cơ sở quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên môi trường biển, phát triển cảng biển, du lịch, tiềm năng khai thác năng lượng gió,... của vùng bờ ven biển tỉnh phục vụ cho phát triển kinh tế biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ an ninh quốc phòng.

- Đầu tư, tăng cường năng lực cho hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển, đưa kết quả điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển vào sử dụng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hoàn thiện và thường xuyên cập nhật mới cơ sở dữ liệu biển của tỉnh, có sự liên kết với cơ sở dữ liệu của Trung ương và các tỉnh ven biển trong khu vực, đảm bảo cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển phục vụ công tác quản lý.

### **2. Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo, phòng chống thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển**

- Triển khai có hiệu quả quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó ưu tiên xây dựng các trạm quan trắc tài nguyên, môi trường biển, phục vụ đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đặc biệt là xâm nhập mặn đối với các vùng biển ven bờ, vùng bờ ven biển, các hệ sinh thái biển và ven biển để có các biện pháp hữu hiệu phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống đê biển trên địa bàn tỉnh tại các vùng đang chịu ảnh hưởng lớn của quá trình xâm nhập mặn và xâm thực biển.

- Phổ biến tọa độ các khu vực an toàn trên biển, các khu vực tránh sóng, tránh bão trên các phương tiện thông tin để ngư dân, tổ chức, cá nhân biết, vận dụng trong quá trình hoạt động trên biển.

- Điều tra, đánh giá sức chịu tải, dự báo diễn biến mức độ ô nhiễm của môi trường biển, phân vùng rủi ro môi trường của các vùng biển để thống kê các

hoạt động ảnh hưởng xấu tới môi trường biển và triển khai thực hiện các biện pháp quản lý theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường biển.

### **3. Khai thác hiệu quả, sử dụng hợp lý và bền vững không gian, mặt nước, tài nguyên thiên nhiên, vị thế của biển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển, phát triển kinh tế biển bền vững**

- Điều tra, quy hoạch không gian biển, phân vùng chức năng các vùng biển; khoanh định khu vực khai thác, hạn chế khai thác và cấm khai thác tài nguyên, hoạt động kinh tế nhằm hạn chế các xung đột, bảo vệ tốt tài nguyên và môi trường biển, đảm bảo phát triển bền vững.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 2295/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ gồm: Phân vùng chức năng vùng bờ, thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển và xây dựng các mô hình đồng quản lý tài nguyên vùng bờ của tỉnh.

- Lập quy hoạch tài nguyên nước, kiểm soát việc khai thác nguồn nước mặt, nước dưới đất vùng ven biển trong giới hạn phục hồi của nguồn nước, không để thiếu nước ngọt cục bộ; đồng thời, sử dụng đất ven biển hiệu quả, hợp lý, phù hợp với đặc tính sinh thái của từng địa phương, bảo vệ các vùng đất ngập nước, các khu rừng ngập mặn, rừng chắn sóng, chắn cát, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển.

- Đảm bảo các yêu cầu về môi trường trong khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, đặc biệt là vùng ven biển; ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường trong quá trình khai thác khoáng sản.

- Quản lý, bảo vệ và khai thác hiệu quả nguồn lợi biển, duy trì sản xuất bền vững, bảo vệ tốt nguồn lợi hải sản và môi trường sinh thái, khai thác nguồn lợi hải sản trong giới hạn phục hồi; bảo vệ, nâng cao khả năng chống chịu của các hệ sinh thái trước tác động của biến đổi khí hậu.

### **4. Kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường biển**

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch quản lý chất thải; kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường từ đất liền và các hoạt động trên vùng biển tỉnh theo Quyết định số 2295/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động có nguy cơ và đang gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường biển, đặc biệt là các cơ sở nuôi trồng và chế biến thủy sản, các hoạt động thương mại, dịch vụ du lịch dọc theo bờ biển; lập danh mục và kế hoạch xử lý các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường biển; thúc đẩy phát triển các mô hình khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở sản xuất, chế biến ở các khu đô thị ven biển thân thiện với môi trường.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường biển, đảo với lực lượng cảnh sát môi trường, bộ đội biên phòng

trong thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Thực hiện nghiêm các quy định về thu gom, xử lý chất thải nguy hại, nhận chìm các loại vật, chất ở biển; về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển tỉnh; tiến hành kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu về môi trường trước khi cho phép đi vào hoạt động và tăng cường công tác hậu kiểm.

- Xây dựng kế hoạch xử lý các cơ sở gây ô nhiễm vùng ven biển; cải tạo chất lượng nguồn nước tại các lưu vực sông, cửa sông ven biển, các vùng nước biển ven bờ bị ô nhiễm, suy thoái; xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường biển của tỉnh theo quy định.

#### **5. Bảo tồn cảnh quan và đa dạng sinh học biển, tăng cường khả năng chống chịu của các hệ sinh thái biển trước tác động của biến đổi khí hậu**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020; đánh giá và xác định các nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng suy thoái nguồn lợi thủy sản, đặc biệt ở các vùng biển gần bờ; thiết lập vùng cấm, mùa cấm khai thác hoặc hạn chế khai thác và thực hiện các giải pháp tổng thể ngăn chặn suy giảm nguồn lợi thủy sản, từng bước phục hồi và làm giàu nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ.

- Kiểm soát chặt chẽ các sinh vật ngoại lai, các sản phẩm không rõ nguồn gốc, các sản phẩm có nguy cơ xâm hại đến các loài bản địa, các loài quý hiếm đang bảo tồn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Điều tra các hệ sinh thái biển, khu vực cư trú, sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của các loài sinh vật biển thuộc danh mục được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh; rà soát, xem xét mức độ đáp ứng các tiêu chí thành lập khu bảo tồn biển, khu bảo vệ loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan theo quy định của Luật Đa dạng sinh học, Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 26/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam đến năm 2020 và các văn bản có liên quan.

- Điều tra, đánh giá mức độ đe dọa tuyệt chủng của các loài sinh vật biển có giá trị, kể cả các loài chim biển để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đưa vào danh mục loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của Luật Đa dạng sinh học; xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch bảo tồn các loài được ưu tiên bảo vệ theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 07/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Lập quy hoạch bảo vệ rừng ngập mặn hiện có, phục hồi, tái sinh tự nhiên rừng ngập mặn ven biển, phát triển rừng ở các khu vực trọng yếu, rừng chắn sóng, chắn cát ven biển hình thành vành đai xanh vững chắc ven biển theo

Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015 – 2020.

#### **6. Tập trung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam, nâng cao ý thức của người dân về biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thông qua các chiến dịch tuyên truyền cao điểm, nhân các sự kiện về môi trường, biển và đại dương như: Ngày Môi trường Thế giới (05/6), Ngày Đại dương Thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01 - 08/6); Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên và đa dạng các hình thức tuyên truyền, thu hút nhiều tầng lớp nhân dân đặc biệt là thanh niên, sinh viên và học sinh tham gia vào các hoạt động, phong trào nhằm thúc đẩy sự tham gia tích cực của cộng đồng trong việc quản lý và bảo tồn hiệu quả các nguồn lợi biển.

- Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về vị trí, tầm quan trọng của biển; những tác hại của việc khai thác hủy diệt; về những lợi ích và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; phổ biến những cách làm hay, những điển hình tốt trong việc khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật hình thành ý thức bảo vệ môi trường, ý thức chấp hành pháp luật về biển trong cộng đồng. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven biển về biến đổi khí hậu, kỹ năng thích nghi với biến đổi khí hậu và cách phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển. Vận động ngư dân không sử dụng các biện pháp có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản, không khai thác hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục cấm khai thác và có trách nhiệm bảo vệ các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ...

- Lồng ghép vào chương trình giảng dạy ở các cấp học nhằm cung cấp thông tin, kiến thức cơ bản về biển, tài nguyên và môi trường biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cho các tầng lớp học sinh, sinh viên.

#### **7. Hoàn thiện thể chế quản lý tổng hợp và thống nhất về tài nguyên và môi trường biển**

- Kiện toàn, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường biển, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành, hình thành cơ chế phối hợp liên ngành, tránh phân tán, chồng chéo trong quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các văn bản hướng dẫn; thực hiện việc giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển đúng theo Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ, thống nhất; thiết lập cơ chế trao đổi, chia sẻ thông tin về biển, đặc biệt là các thông tin về khí tượng, thủy văn, các điều kiện tự nhiên,... để phục vụ ngư dân trên biển, phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển.

### **8. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, huy động, sử dụng nguồn nhân lực cho điều tra, nghiên cứu khoa học, quản lý tổng hợp và thống nhất tài nguyên, môi trường biển**

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về biển ở các cấp trên địa bàn tỉnh; từng bước xây dựng đội ngũ nhân lực trong quản lý tổng hợp và thống nhất tài nguyên, môi trường biển và đảo.

### **9. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao**

- Ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến cho công tác điều tra cơ bản, cảnh báo, thông báo sớm thiên tai, sự cố trên biển, ứng dụng công nghệ cao trên nền tảng công nghệ thông tin phục vụ quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, quản lý tổng hợp và thống nhất về biển.

- Bố trí kinh phí phục vụ nhu cầu điều tra, nghiên cứu tìm hiểu về biển, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, đặc biệt là quản lý tổng hợp và thống nhất về biển trên cơ sở tiếp cận hệ thống, theo chương trình, có trọng tâm, trọng điểm đạt hiệu quả cao.

### **10. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn cho điều tra cơ bản, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hợp tác liên vùng, liên tỉnh về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển**

- Tìm kiếm các nguồn tài trợ, hợp tác về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên, môi trường vùng biển và ven biển của tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về biển, quan trắc, thông báo sớm về động đất, cảnh báo sóng thần, bão, thiên tai trên biển, phòng ngừa và ứng phó sự cố trên biển.

- Phối hợp trong công tác quản lý, khai thác bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển với các tỉnh lân cận. Tăng cường hợp tác liên tỉnh, liên kết, đồng bộ về các chính sách, chỉ đạo và điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển nhằm tăng giá trị sản xuất của vùng biển và ven biển.

**11. Kinh phí thực hiện:** Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án trong Kế hoạch do các Sở, ngành, tỉnh và UBND các huyện, thị xã ven biển chủ động xây dựng dự toán kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*(Chi tiết các nhiệm vụ triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tại Phụ lục kèm theo).*

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường**



- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch và tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cho các cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về biển phục vụ công tác quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất bố trí kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

3. Các Sở, Ban, ngành tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; đồng thời, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện, định kỳ hằng năm tổng hợp kết quả thực hiện, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 10/11 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### 4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã ven biển

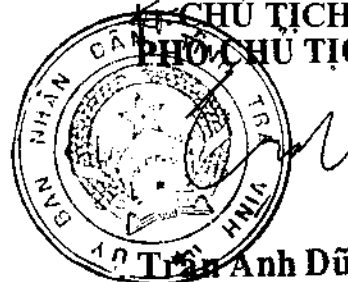
- Xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển trên địa bàn quản lý phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế ở địa phương.

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến vị trí, tầm quan trọng của biển; những tác hại của việc khai thác hủy diệt; về những lợi ích và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; định kỳ hằng năm tổng hợp kết quả thực hiện, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 10/11 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh bổ sung, các Sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI CHU TICH  
PHO CHU TICH



Trần Anh Dũng



**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC  
KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẾN  
NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh)*

STT	Nhiệm vụ/Dự án chuyên môn	Thời gian thực hiện	Kinh phí (tỷ đồng)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
1	Điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường ven biển, đánh giá mức độ nhạy cảm và chống chịu của vùng ven biển và cửa sông đối với các tai biến tự nhiên và sự cố môi trường phục vụ định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng bờ biển tỉnh Trà Vinh.	2017-2018	2,5	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã ven biển	
2	Tiếp tục thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cát san lấp ven biển tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.	2015-2017	3,5		Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã ven biển	
3	Tiếp tục thực hiện Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2025, tầm nhìn đến năm 2035	2017 -2018	8,0		Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã ven biển	

